

# **PHONG CÁCH NGÔN NGỮ SINH HOẠT**

## **A – MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Giúp HS :

– Nắm vững các khái niệm *ngôn ngữ sinh hoạt* và *phong cách ngôn ngữ sinh hoạt* với các đặc trưng cơ bản của nó để làm cơ sở phân biệt với các phong cách ngôn ngữ khác.

– Rèn luyện và nâng cao năng lực giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày, nhất là việc dùng từ, việc xưng hô, biểu hiện tình cảm, thái độ và nói chung là thể hiện văn hoá giao tiếp trong đời sống hiện nay.

## **B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý**

### **I – NỘI DUNG**

#### **1. Đặc điểm bài học**

– Bài này chia làm hai tiết, GV lần lượt hướng dẫn HS tìm hiểu các khái niệm *ngôn ngữ sinh hoạt* và *phong cách ngôn ngữ sinh hoạt* với các đặc trưng cơ bản của nó.

Một điều đáng chú ý là một số tác giả của các giáo trình Phong cách học hầu như tránh thuật ngữ *phong cách ngôn ngữ* và *phong cách chức năng*. Tuy nhiên, GV cần xác định hai khái niệm cơ bản này cho HS nắm vững.

– Khái niệm *phong cách* được dùng khá phổ biến và được hiểu là những biểu hiện của hành vi hay hoạt động được *lặp đi lặp lại nhiều lần* thành một thói quen, *có khả năng phân biệt* với những hành vi, hoạt động khác ở cá nhân này hay cá nhân khác, ví dụ : phong cách sống, phong cách làm việc,...

– Khái niệm *phong cách ngôn ngữ* chỉ những dấu hiệu hành vi và hoạt động ngôn ngữ thể hiện ở cách lựa chọn và sử dụng các phương tiện ngôn ngữ có màu sắc riêng (biến thể ngôn ngữ) được lặp đi lặp lại nhiều lần ở một cá nhân, một môi trường giao tiếp và một cộng đồng ngôn ngữ, có khả năng phân biệt ngôn ngữ của cá nhân này với ngôn ngữ của cá nhân khác, môi trường này với môi trường khác và ngôn ngữ này với ngôn ngữ khác.

Một định nghĩa như vậy bao hàm sự phân loại phong cách ngôn ngữ :

- + Phong cách ngôn ngữ cá nhân (lời nói cá nhân) ;
- + Phong cách chức năng xã hội (phong cách báo chí, hành chính,...) ;
- + Phong cách ngôn ngữ của cộng đồng (ví dụ : phong cách tiếng Việt, tiếng Thái, tiếng Tày, tiếng Hán,...).

– Khái niệm *phong cách chức năng* xuất phát từ trường phái ngôn ngữ xã hội học Xô viết trong thập kỉ 50 của thế kỉ trước phân chia các phong cách ngôn ngữ theo tiêu chí chức năng xã hội của ngôn ngữ trong những môi trường giao tiếp khác nhau.

Ngôn ngữ có một chức năng cơ bản là chức năng giao tiếp, là "công cụ giao tiếp quan trọng nhất của xã hội loài người" (Lê-nin). Nhưng vì sao ở mỗi hoàn cảnh khác nhau người ta lại diễn đạt cùng một nội dung theo những cách khác nhau (ví dụ : ở trong gia đình hay lúc nói chuyện với bạn bè, người ta thường diễn đạt khác với lúc giảng bài hay phát biểu ở hội nghị ; viết văn bản hành chính thì không giống với kể chuyện ; kể chuyện khác với làm thơ,... ) ?

Các nhà ngôn ngữ học Xô viết cho rằng ở một hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, ngôn ngữ có những chức năng nhỏ không giống nhau, vì vậy đã hình thành những phong cách ngôn ngữ khác nhau, ví dụ như : phong cách ngôn ngữ sinh hoạt, các phong cách ngôn ngữ chuẩn (sách vở) và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật (thẩm mỹ),.... Người ta có thể dựa vào tiêu chí chức năng để phân loại và miêu tả các phong cách và gọi đó là "phong cách chức năng".

*Phong cách chức năng là toàn bộ hệ thống biến thể sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) tương ứng với các chức năng xã hội của ngôn ngữ, hình thành trong quá trình lịch sử và trong lòng ngôn ngữ dân tộc.* (tóm tắt định nghĩa của V.V. Vi-nô-gra-đốp)

Với tiếng Việt, ta cũng thấy có sự phân loại phong cách tương tự : phong cách ngôn ngữ sinh hoạt (khẩu ngữ) ; các phong cách ngôn ngữ văn hoá (khoa học, báo chí, chính luận, hành chính,...) và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

Một vấn đề phân loại phong cách chức năng được nêu ra khá dai dẳng là ngôn ngữ nghệ thuật có phải là một phong cách thuần nhất không. Vì sự nghi ngờ ấy mà có ý kiến phân chia lời nói trong giao tiếp thành hai loại : *lời nói nghệ thuật* và *lời nói phi nghệ thuật*. Đây là cách phân loại trong giáo trình *Phong cách học tiếng Việt* của tác giả Đinh Trọng Lạc (1994). Về sau tác giả gọi là *ngôn ngữ nghệ thuật* (1999) nhưng vẫn giữ quan điểm này. Thực tế, nếu quán triệt cách phân loại của trường phái ngôn ngữ học Xô viết thì ngôn ngữ nghệ thuật là một phong cách đặc thù nhưng thuần nhất ở chức năng thẩm mỹ của nó.

Tóm lại, khái niệm *phong cách chức năng* không thật hoàn chỉnh nhưng có hiệu quả thực tế trong việc phân loại các phong cách chức năng ngôn ngữ và đặc biệt tiện dụng trong việc giảng dạy ở nhà trường. Từ đây, ta có thể tiếp tục phân loại các phong cách ngôn ngữ khác : phong cách ngôn ngữ khoa học, chính luận, báo chí, hành chính,...

– Phần lí thuyết tuy không nhiều nhưng vận dụng vào thực tế không dễ dàng, vì vậy GV nên đưa nhiều bài tập ứng dụng để HS nhận biết và sử dụng.

## 2. Trọng tâm bài học

- a) Khái niệm *ngôn ngữ sinh hoạt*.
- b) Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt với các đặc trưng cơ bản.

# II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

## 1. Phương pháp dạy học

GV cần sử dụng thao tác khái quát hoá các hiện tượng cụ thể, tức là từ hiện tượng sử dụng ngôn ngữ để đi đến khái niệm. Muốn khái quát hoá hiện tượng sử dụng ngôn ngữ, GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác :

- a) Nêu hiện tượng : đọc ví dụ (yêu cầu đọc đúng và diễn cảm).
- b) Trả lời câu hỏi và nhận xét về hiện tượng, rút ra định nghĩa hoặc tính chất, đặc điểm sơ bộ.

## 2. Tiến trình tổ chức dạy học

### TIẾT 1 : *Ngôn ngữ sinh hoạt*

– GV yêu cầu HS đọc đoạn hội thoại trong phần ngữ liệu ở mục I.1 (chú ý thể hiện đúng giọng điệu), sau đó nêu một số câu hỏi cho HS tìm hiểu và nhận xét :

- + Cuộc hội thoại diễn ra ở đâu, khi nào ? Các nhân vật giao tiếp là những ai ?
- + Nội dung và mục đích của cuộc hội thoại là gì ? (Lời của các nhân vật tập trung vào vấn đề gì ? Hướng tới mục đích giao tiếp như thế nào ?)
- + Từ ngữ và câu văn trong đoạn hội thoại có đặc điểm gì ? (Những từ ngữ quen thuộc, gần gũi trong sinh hoạt hằng ngày ; câu văn thường tinh lược chủ ngữ ; có nhiều câu cảm thán, câu khiến.)
- GV yêu cầu HS xác định thế nào là ngôn ngữ sinh hoạt và hướng tới khái niệm *ngôn ngữ sinh hoạt* nêu ở phần *Ghi nhớ* của SGK.

- GV yêu cầu HS nêu các dạng biểu hiện của ngôn ngữ sinh hoạt :
- + *Dạng nói* (đối thoại, độc thoại) ;
- + *Dạng viết* (thư từ, nhật ký, hồi ức cá nhân).

**Chú ý :** Trong tác phẩm nghệ thuật có dạng *tái hiện* (mô phỏng, bắt chước) lời nói tự nhiên theo các đặc điểm phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. Việc bắt chước này tuỳ thuộc vào mục đích sáng tạo nghệ thuật và thể loại văn học (kịch, thơ, truyện,...) và năng lực sáng tạo của nhà văn, tuy nhiên đây không phải là ngôn ngữ tự nhiên. Tất nhiên với vốn sống phong phú và năng lực ngôn ngữ điêu luyện, nhà văn có thể tái hiện ngôn ngữ tự nhiên khá trung thành.

GV cần hướng dẫn HS phân biệt dạng lời nói tự nhiên trong giao tiếp với dạng lời nói tái hiện trong tác phẩm nghệ thuật (ngôn ngữ văn bản). Dạng này bao gồm lời nói tự nhiên nhưng không đồng nhất hoàn toàn mà được biến cải, tổ chức lại :

- + **Ở thơ** : phải phục tùng quy tắc nhịp điệu, vần điệu và hài thanh.
- + **Ở trường ca** : sự lặp lại dư thừa theo nhịp điệu.
- + **Ở một số truyện cổ tích**, ví dụ như truyện *Tấm Cám* : lời nói có vần, có nhịp, dễ nhớ.
- + **Ở tiểu thuyết** : lời thoại của nhân vật là một phương tiện để nhân vật bộc lộ tính cách, là động lực phát triển của cốt truyện, nói chung là phương tiện nghệ thuật xây dựng nhân vật và tình huống để phát triển cốt truyện.

## **TIẾT 2 : Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt**

Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt có ba đặc trưng cơ bản. GV hướng dẫn HS lần lượt tìm hiểu từng đặc trưng.

### *- Tính cụ thể*

GV yêu cầu HS nhận xét những biểu hiện cụ thể của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt trong cuộc đối thoại ở mục I.1, tr. 113, SGK.

Ngoài ra, GV có thể mở rộng kiến thức cho HS bằng cách đặt vấn đề : Vì sao ngôn ngữ trong phong cách ngôn ngữ sinh hoạt phải cụ thể ? (Trong giao tiếp hội thoại, ngôn ngữ phải cụ thể ; ngôn ngữ càng cụ thể thì người nói và người nghe càng dễ hiểu nhau ; ngôn ngữ càng trừu tượng, sáu vở thì càng gây khó khăn cho giao tiếp.)

### *- Tính cảm xúc*

Ngoài việc nêu câu hỏi để HS nhận biết về giọng nói, từ ngữ và những kiểu câu giàu sắc thái cảm xúc, GV mở rộng thêm :

- + Tính cảm xúc gắn với ngữ điệu (giọng nói), vốn là biểu hiện tự nhiên của hành vi nói năng. Không có lời nói nào mà không thể hiện một thái độ, tình cảm, tâm trạng của người nói.
- + Tính cảm xúc còn thể hiện ở những hành vi kèm lời như vẻ mặt, cử chỉ, điệu bộ. Vì vậy, ngôn ngữ hội thoại gắn với các phương tiện giao tiếp đa kênh.
- + Người tiếp nhận nhờ những yếu tố cảm xúc mà hiểu nhanh hơn, cụ thể hơn những gì được nói ra.

### *- Tính cá thể*

GV yêu cầu HS nhận xét về ngôn ngữ của các bạn trong lớp, ví dụ như những khác biệt về cách phát âm, giọng nói, về cách dùng từ, chọn câu,...

GV có thể đặt câu hỏi : Tại sao khi nói chuyện qua điện thoại, ta có thể đoán được người ở đầu dây kia là người như thế nào (già hay trẻ, nam hay nữ,...) ?

Cuối cùng, GV hướng dẫn HS đi đến khái niệm *phong cách ngôn ngữ sinh hoạt*: *Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt là phong cách mang những dấu hiệu đặc trưng của ngôn ngữ dùng trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày*. Ba đặc trưng *tính cụ thể, tính cảm xúc và tính cá thể* thể hiện lặp đi lặp lại trong ngôn ngữ của mọi người, ở mọi tình huống giao tiếp ngôn ngữ trong sinh hoạt hàng ngày đã tạo nên phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. Ba đặc trưng đó làm nên sự khác biệt giữa ngôn ngữ sinh hoạt với ngôn ngữ thuộc các lĩnh vực giao tiếp khác, thuộc các phong cách ngôn ngữ khác như: nghệ thuật, khoa học, hành chính,...

### III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỌI Ý GIẢI BÀI TẬP

#### 1. Kiểm tra, đánh giá

Có ba dạng bài tập để kiểm tra, đánh giá mức độ hiểu bài của HS :

a) *Bài tập nhận biết* : GV nêu câu hỏi nhận biết và yêu cầu HS trả lời. Luyện kỹ năng nhận biết một cách nhạy bén là một yêu cầu cơ bản trong dạy học ngôn ngữ.

b) *Bài tập phân tích yêu cầu các thao tác sau :*

– *Thao tác đối chiếu* : đối chiếu các đặc trưng của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt với các cách biểu đạt trong ngữ liệu để xem ngữ liệu được viết theo phong cách ngôn ngữ nào.

– *Thao tác so sánh* : so sánh các cách biểu đạt khác nhau với cùng một nội dung ý nghĩa để thấy giá trị diễn đạt.

– *Thao tác suy luận* : đúng/sai, hợp/không hợp, nên/không nên.

– *Thao tác bình giá* : đặt vào thang giá trị để bình giá : đẹp/không đẹp, hay/không hay.

c) *Bài tập ghi nhớ và sáng tạo* yêu cầu lặp lại các mẫu diễn đạt, mô phỏng và sáng tạo theo cảm nghĩ chủ quan của HS.

GV hướng dẫn HS thực hiện các loại thao tác nêu trên để giúp HS phát triển tư duy từ việc quan sát một số hiện tượng đã biết đến tiếp nhận ở mức độ cao hơn, tức là từ *nhận thức trực quan cảm tính* đến *nhận thức lí tính* và cũng qua đó kiểm tra, đánh giá mức độ hiểu bài của HS.

#### 2. Gọi ý giải bài tập

##### TIẾT 1

###### *Câu (a)*

Đối với câu thứ nhất, GV cần để cho HS phát biểu tự do ý nghĩ của mình. GV có thể nêu câu hỏi : "Vừa lòng nhau" là thế nào ? Trong những trường hợp nào thì cần

làm "vừa lòng nhau" ? Nếu cứ làm "vừa lòng nhau" một chiều thì cũng là tìm cách xu nịnh, "vuốt ve" lẫn nhau. Vậy nên tùy trường hợp mà nói, có khi cần nói thẳng. Lời nói thẳng tuy không phải lúc nào cũng làm vừa lòng người đối thoại nhưng lại rất tốt và rất có hiệu quả. Tuy nhiên, có phải bao giờ nói "toạc móng heo" cũng là tốt không ?

### Câu (b)

– Đoạn trích trong bài tập này là lời đáp trong cuộc thoại của nhân vật Năm Hên (một ông già chuyên bắt cá sấu ở Nam Bộ) nói chuyện với dân làng :

- + Xác định thời gian : "Sáng mai sớm, đi cũng không muộn.".
- + Chủ thể nói : Ông Năm Hên ("Tôi cần...", "tôi bắt...", "Tôi đây...").
- + Thái độ của người nói : Gieo niềm tin cho dân làng ("Có vậy thôi ! [...] Bà con cứ tin tôi !").
- Từ ngữ của nhân vật trong đoạn trích là từ ngữ địa phương Nam Bộ ("ngặt tôi không mang thứ phú quái đó").

Trong đoạn trích này tác giả mô phỏng ngôn ngữ sử dụng ở vùng Nam Bộ và ngôn ngữ của những người chuyên bắt cá sấu nhằm mục đích làm sinh động ngôn ngữ kể chuyện, đồng thời giới thiệu những đặc điểm của địa phương Nam Bộ và những con người sống ở đây qua nhân vật ông Năm Hên.

## TIẾT 2

### Bài tập 1

Ngôn ngữ sử dụng trong đoạn trích *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm* mang đặc trưng của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt :

- *Tính cụ thể* : "Nghĩ gì đấy Th. oi ?", "Nghĩ gì mà..." (phản thân đối thoại) ; thời gian : đêm khuya ; không gian : rừng núi.
- *Tính cảm xúc* : thể hiện ở giọng điệu thân mật, những câu nghi vấn, cảm thán ("Nghĩ gì đấy Th. oi ?", "Đáng trách quá Th. oi !"), những từ ngữ *viễn cảnh*, *cận cảnh*, *cánh chia li*, *cánh đau buồn* được viết theo dòng tâm tư.
- *Tính cá thể* : Nét cá thể trong ngôn ngữ của nhật kí là ngôn ngữ của một người giàu cảm xúc, có đời sống nội tâm phong phú (...nằm thao thức không ngủ được", "Nghĩ gì đấy Th. oi ?", "Th. thấy...", "Đáng trách quá Th. oi !", "Th. có nghe...?").

### Bài tập 2

Trong hai câu ca dao, dấu ấn của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt thể hiện ở :

- Từ xung hô : *mình – ta, cô – anh*.
- Ngôn ngữ đối thoại : "... có nhớ ta chăng", "Hồi cô yếm trắng...".
- Lời nói hằng ngày : "Mình về...", "Ta về...", "Lại đây đập đất trồng cà với anh".

### *Bài tập 3*

Đoạn đối thoại của Đăm Săn với dân làng mô phỏng hình thức đối thoại có hô – đáp, có luân phiên lượt lời, nhưng lời nói được xếp đặt theo kiểu :

- Có đối chơi : "Tù trưởng các ngươi đã chết, lúa các ngươi đã mục."
- Có điệp từ, điệp ngữ : "Ai chăn ngựa hãy đi...", "Ai giữ voi hãy đi...", "Ai giữ trâu hãy đi...".
- Có nhịp điệu theo câu hay theo ngữ đoạn.

## IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ngoài giáo trình *Phong cách học tiếng Việt* của Đinh Trọng Lạc – Nguyễn Thái Hoà (NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005), có thể đọc thêm các sách :

1. Hữu Đạt, *Phong cách học và các phong cách chức năng tiếng Việt*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2000.
2. Đinh Trọng Lạc, *Phong cách học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.
3. Nguyễn Thái Hoà, *Dẫn luận phong cách học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.